TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/DS-ST
Ngày: 21/8/2020
V/v "*T/c Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trung.

2. Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLST-DS ngày 05/5/2020 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐST - DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 (Và Quyết định hoãn phiên Tòa số 36/2020/QĐST - DS ngày 04 tháng 8 năm 2020) giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn:

1.1 Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1959 (Có mặt)

1.2 Ông Phan Văn B, sinh năm 1961(Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

2/- Bị đơn:

2.1 Ông Phạm Văn T (Phạm Văn Hoàng E), sinh năm 1966 (Vắng mặt)

2.2 Bà Huỳnh Thị Kim C (Huỳnh Thị C), sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 146/ATHO ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2020, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Phan Văn B trình bày:

Do chỗ quen biết, trong năm 2018 âm lịch bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C (Huỳnh Thị C) và chồng là ông Phạm Văn T (Phạm Văn Hoàng E) có vay nhiều lần tiền của

nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Phan Văn B như sau: Ngày 08/3/2018 âm lịch vay 50.000.000đ; Ngày 23/9/2018 âm lịch vay 30.000.000đ; Ngày 24/8/2019 âm lịch vay 50.000.000đ; Lãi suất các lần vay đôi bên thỏa thuận 5%/tháng; Từng lần vay bà C hoặc ông T (Hoàng E) đều có ký nhận biên nhận nợ cho bà H, ông B; Sau khi vay tiền bà C, ông T có đóng lãi cho bà H 05 tháng tiền lãi của số tiền 50.000.000đ vay đầu tiên rồi ngưng không trả tiếp. Tổng cộng số tiền gốc các lần bị đơn vay của nguyên đơn là 130.000.000đ, phía bị đơn hứa đến ngày 24/9/2019 âm lịch sẽ trả lại cho nguyên đơn nhưng đến nay không thực hiện.

Vì vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Phan Văn B khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C (Huỳnh Thị C) và chồng là ông Phạm Văn T (Phạm Văn Hoàng E) liên đới thanh toán số tiền vay gốc còn thiếu cho nguyên đơn là 130.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản tự khai ngày 17/7/2020, biên bản hòa giải ngày 20/7/2020 trong quá trình tố tụng phía bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C (Huỳnh Thị C) trình bày:

Từ năm 2018, vợ chồng bà C, ông T có vay 03 lần tiền của vợ chồng bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Phan Văn B với số tiền tổng cộng là 130.000.000đồng. Cụ thể thời gian từng lần vay thì bà C, ông T không nhớ nhưng đều vào năm 2018. Lần đầu tiên vay 50.000.000đ, lần thứ 02 vay 30.000.000 đồng, lần thứ 03 vay 50.000.000 đồng. Từng lần nhận tiền đôi bên đều có lập văn bản: lần vay 50.000.000đ và lần vay 30.000.000đ do bà C ký tên xác nhận nợ, lần vay 50.000.000đ thì ông T viết và ký tên xác nhận nợ. Ông Phạm Văn Phong là con của bà C, ông T, ông Phong không có liên quan gì trong vấn đề vay tiền của vợ chồng bà C, ông T với vợ chồng bà H, ông B. Sau khi vay tiền, trong 05 tháng đầu vợ chồng bà C, ông T có đóng lãi cho phía nguyên đơn với mức lãi suất 5%/tháng, sau đó vì gia đình kinh tế khó khăn, ông Hoàng bị bệnh nên vợ chồng bà C, ông T không đóng lãi hay trả được vốn cho nguyên đơn số tiền nào. Vì vậy mà bị nguyên đơn khởi kiện.

Đối với yêu cầu đòi vợ chồng bà C, ông T liên đới trả 130.000.000đồng của phía nguyên đơn thì vợ chồng bà C, ông T đồng ý còn thiếu và đồng ý trả cho nguyên đơn nhưng xin khi nào có tiền mới trả vì hiện giờ kinh tế khó khăn, không có khả năng trả cho nguyên đơn số tiền nói trên, ngoài ra bị đơn không có ý kiến khác.

Phía bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C (Huỳnh Thị C) và ông Phạm Văn T (Phạm Văn Hoàng E) được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai

các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C (Huỳnh Thị C) và ông Phạm Văn T (Phạm Văn Hoàng E) nhưng tại phiên tòa bà C, ông T vẫn vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà C, ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Phan Văn B khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C (Huỳnh Thị C) và ông Phạm Văn T (Phạm Văn Hoàng E) liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà H, ông B số tiền vay gốc còn thiếu là 130.000.000đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Phan Văn B và phía bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C (Huỳnh Thị C) và chồng là ông Phạm Văn T (Phạm Văn Hoàng E) thống nhất lời trình bày xác định:

[1.1] Năm 2018 âm lịch, bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C (Huỳnh Thị C) và chồng là ông Phạm Văn T (Phạm Văn Hoàng E) có vay nhiều lần tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Phan Văn B tổng cộng số tiền vay gốc là 130.000.000đ; Từng lần vay bà C hoặc ông T (Hoàng E) đều có ký nhận biên nhận nợ cho bà H, ông B; Sau khi vay tiền bà C, ông T có thanh toán tiền lãi cho bà H 05 tháng tiền lãi của số tiền 50.000.000đ vay đầu tiên, sau đó vì kinh tế gặp khó khăn nên bà C, ông T không thanh toán được cho bà H, ông B thêm số tiền nào.

[1.2] Căn cứ vào biên nhận của từng lần vay tiền có chữ ký xác nhận nợ của bà C hoặc ông T (Hoàng E), cũng như sự thừa nhận của phía bị đơn hiện nay là bà C, ông T còn thiếu bà H, ông B số tiền vay gốc 130.000.000đ, đồng ý thanh toán cho bà H, ông B nhưng xin khi nào có mới thanh toán vì hiện giờ không có khả năng thanh toán - Đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Năm 2018 âm lịch, bà C và ông T có vay tiền và hiện nay còn thiếu bà H, ông B số tiền vay gốc 130.000.000đ chưa thanh toán; Việc chưa thánh toán số tiền trên của bà C, ông T là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, ông B nên bà H, ông B khởi kiện yêu cầu bà C, ông T có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiếp số tiền 130.000.000đ cho bà H, ông B là có căn cứ, đúng theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Việc bà C, ông T đồng ý thanh toán tiền gốc ba khoản vay nói trên nhưng xin khi nào có tiền mới thanh toán là không được bà H, ông B đồng ý và cũng không phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền bị đơn chậm thanh toán theo thỏa thuận từ khi vay tiền đến nay; Bị đơn không yêu cầu tính lại tiền lãi đối với số tiền lãi đã thanh toán 05 tháng theo

thỏa thuận của số tiền vay 50.000.000đ lần vay đầu tiên.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà C, ông T có nghĩa vụ nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể bà C, ông T có nghĩa vụ nộp số tiền án phí 5% x 130.000.000đ = 6.500.000đ

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Phan Văn B về việc tranh chấp hợp đồng vay. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C (Huỳnh Thị C) và ông Phạm Văn T (Phạm Văn Hoàng E) liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Phan Văn B số tiền vay gốc còn thiếu là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng);

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C (Huỳnh Thị C) và ông Phạm Văn T (Phạm Văn Hoàng E) về việc yêu cầu khi nào có tiền mới thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H và ông Phan Văn B số tiền thiếu 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền bị đơn chậm thanh toán theo thỏa thuận từ khi vay tiền đến nay.

3. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C (Huỳnh Thị C) và ông Phạm Văn T (Phạm Văn Hoàng E) nộp số tiền án phí: 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri;

Hoàn lại cho nguyên đơn ông Phan Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009233 ngày 23/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Rẻn